TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 547/2023/DS-PT Ngày 13 - 11 - 2023 V/v tranh chấp "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung.

Ông Võ Ngọc Giàu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hậu Mộng Thúy – Thẩm tra viên Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 N 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 813/2023/TLPT-DS ngày 11/10/2023 về việc tranh chấp "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2022/DS-ST ngày 24/3/2023 của Toà án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 813/2023/QĐ-PT ngày 11/10/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh N 1936.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, TG.

Đại diện theo ủy quyền: Đặng Văn S, sinh N 1965.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, TG.

2. Bị đơn: Đặng Văn M, sinh N 1969. (có mặt)

Võ Thị Út D *(Võ Thị Út Dứt)*, sinh N 1969. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, TG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đặng Văn T3, sinh N 1961. (có mặt)

2. Đặng Văn N, sinh N 1963.

Đại diện theo ủy quyền: Đặng Văn MH, sinh N 1973.(có mặt)

3. Đặng Văn S, sinh N 1965 (có mặt)

4. Đặng Thị Tám, sinh N 1965. (có mặt)

5. Đặng Thị Chín, sinh N 1967. (có mặt)

6. Đặng Văn MH, sinh N 1973. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, TG.

7. Đặng Thị B, sinh N 1965. (có mặt)

8. Đặng Thị M, sinh N 1971.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Q, xã Yên L, huyện GCT, tỉnh TG.

9. Nguyễn Thị Thu C, sinh N 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Yên, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

10. Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Lâm Bưu, chức vụ: Chủ tịch. (vắng mặt).

11. Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh Bình, chức vụ: Chủ tịch. (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T xác định:

Cụ Nguyễn Thị T và cụ Đặng Văn B có các con gồm: Đặng Văn T3, Đặng Văn N, Đặng Văn S, Đặng Thị B, Đặng Thị Tám, Đặng Thị Chín, Đặng Văn M, Đặng Thị M, Đặng Văn MH.

Cụ T và cụ B có chung quyền sử dụng đất và nhà ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00017 gồm các thửa đất: Thửa 2125 diện tích 3.130m^2; thửa 260 diện tích 1.629m^2; thửa 2742 diện tích 1.465m^2 loại đất lúa và thửa 261 diện tích 3.604m^2 đất thổ quả tại **Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG** do cụ B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

N 2005 ông Đặng Văn M được cụ T và cụ B cho nhờ canh tác trồng lúa các thửa đất 2125, 260. Lúc này, ông M có xin cụ B chuyển nhượng các thửa đất trên nhưng cụ T và cụ B không đồng ý. Chữ ký, chữ viết họ tên trong hợp đồng không phải là chữ ký, chữ viết của cụ T và cụ B vì cụ T không biết chữ, nét chữ ký của cụ B không phải như vậy và thời điểm đó cụ T cũng không đồng ý việc chuyển nhượng đất cho ông M.

Cụ T và cụ B vẫn trực tiếp quản lý, canh tác ruộng đất, nhà cửa từ N 2003 đến khi cụ B chết N 2010 thì cụ T để cho con gái Đặng Thị Chín tạm thời canh

tác. Riêng thửa 2125 ở vị trí góc Đông Nam giáp Kênh An Thạnh Thủy có cho người con trai tên Đặng Văn N cất 01 căn nhà cấp 4 để ở.

N 2017, ông M xuất trình sổ đỏ cho rằng ông M đã đứng tên quyền sử dụng đất trên giấy nên ngang nhiên đến có lời lẽ xúc phạm để đuổi, yêu cầu cụ T phải dọn nhà trả đất, bàn thờ cho ông M quản lý. Cụ T có nhờ địa phương cho cụ T biết đất ai đứng tên thì cụ T được cung cấp bộ hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/3/2005.

Nay cụ T yêu cầu:

Tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 giữa Đặng Văn B, Nguyễn Thị T với Đặng Văn M đối với các thửa đất 2125, 260, 261, địa chỉ: Ấp Thạnh Yên, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Công nhận cho ông Đặng Văn N được quyền sử dụng đất 170,8m^2 thửa 2125 qua đo đạc thực tế là 216,3m^2 mà trước đây cụ T và cụ B đã tặng cho cho Đặng Văn N.

Ông Đặng Văn M và bà Võ Thị Út D trả lại cho cụ T ½ diện tích đất tại các thửa 2125, 260, 261 theo kết quả đo đạc thực tế sau khi đã trừ ra diện tích 216,3m^2 công nhận cho Đặng Văn N.

Chia thừa kế theo pháp luật ½ diện tích đất còn lại của thửa 2125, 260, 261 sau khi trừ ra diện tích 216,3m^2 cho 10 người, cụ T yêu cầu nhận bằng hiện vật và nhận đất có căn nhà thờ.

* Bị đơn ông Đặng Văn M trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của mẹ ông là cụ Nguyễn Thị T thì ông không đồng ý vì cha mẹ ông đã có cho đất cho tất cả các anh em, phần còn lại đang tranh chấp cho vợ chồng ông để ông lo cho cha mẹ đến trăm tuổi già, lo cúng giỗ ông bà. Các phần đất đang tranh chấp ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ N 2005 đến nay, thủ tục chuyển tên đất cho ông từ ba ông là hợp lệ vì ba mẹ ông đều biết chữ.

Trong quá trình sử dụng đất ông được cấp đổi sổ mới, hiện tại gồm các thửa:

Thửa 164, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.269,6m^2 có căn nhà trên đất.

Thửa 163, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.261,5m^2.

Thửa 138, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.003,1m^2.

Thửa 9, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.702,5m^2.

Đối với yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho đối với phần đất diện tích 216,3m^2 cho Đặng Văn N thì ông đồng ý với yêu cầu của cụ T và ông N.

Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế của cụ T. Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của cụ T về các con cụ B và cụ T.

* Bị đơn bà Võ Thị Út D trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà ông Đặng Văn M, ba mẹ chồng bà đã cho đất tất cả các anh em rồi mới giao lại đất đang tranh chấp cho vợ chồng bà đứng tên. Bà đồng ý với ý kiến ông M đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn N.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn N trình bày:

Ông yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất 170,8m^2 qua đo đạc thực tế là 216,3m^2 tại thửa 40 là một phần của thửa đất 2125 cũ do Đặng Văn M và Võ Thị Út D đang đứng tên thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông mà cụ Đặng Văn B và cụ Nguyễn Thị T đã tặng cho ông.

Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ T, ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T, đối với kỷ phần thừa kế của cụ B mà ông được nhận ông đồng ý tặng lại cho cụ T.

Cụ T không biết đọc và viết chữ, cụ T và cụ B có các con đúng như chị Phượng trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T3 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ T ông không thống nhất, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp chia thừa kế kỷ phần di sản của cụ B ông xin được nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N và cụ Nguyễn Thị T công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Đặng Văn N đối với phần đất diện tích 216,3m^2 thì ông thống nhất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn S, bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị Tám, bà Đặng Thị M, ông Đặng Văn MH trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ T các ông bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của cụ T, trường hợp Tòa chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ B thì kỷ phần các ông bà được nhận sẽ tặng cho cụ T. Hiện tại do tranh chấp cụ T đang sống với bà Tám vì cụ T đang bệnh, khi Tòa án giải quyết xong thì cụ T trở về nhà thờ sống.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N và cụ Nguyễn Thị T công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Đặng Văn N đối với phần đất diện tích 216,3m^2 thì các ông bà thống nhất.

Cụ T không biết đọc và viết chữ, cụ T và cụ B có các con đúng như chị Phượng trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Chín trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ T bà không thống nhất. Trường hợp chia thừa kế kỷ phần di sản của cụ B bà xin được nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N và cụ Nguyễn Thị T công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Đặng Văn N đối với phần đất diện tích 216,3m^2 thì bà thống nhất

Đối với các con cụ B, cụ T bà thống nhất như chị Phượng trình bày, cụ T có biết đọc và viết chữ được. Hiện tại ngôi nhà thờ bà đang sinh sống, nhà này của mẹ và mẹ muốn về sống thì về bình thường.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu C trình bày:

Bà là vợ ông Đặng Văn N, sinh N 1963, địa chỉ: Ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr huyện GCT, tỉnh TG đã kết hôn N 1997; là con dâu của cụ Đặng Văn B, sinh N 1935 (đã mất N 2010) và cụ Nguyễn Thị T, sinh N 1936, địa chỉ: Ấp Thạnh Yn, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG.

Bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn N về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Đặng Văn N đối với phần đất diện tích 216,3m^2, phần đất này đã được vợ chồng ông bà xây nhà ở ổn định từ N 2005.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tr trình bày:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Đặng Văn B, cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn M ngày 28/3/2005 được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tr chứng thực ngày 04/4/2005 nhưng do hiện nay hồ sơ lưu trữ đang trong quá trình chuyển về tỉnh chỉnh lý nên không thể kiểm tra hồ sơ hợp đồng chuyển nhượng được.

Việc cụ B, cụ T ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Đặng Văn B, cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn M ngày 28/3/2005 tại mục đại diện bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất có ký tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị không. Hợp đồng trên do công chức địa chính Võ Văn Phước giải quyết nhưng hiện nay ông Võ Văn Phước đã chết nên không xác minh được hợp đồng chuyển nhượng có ký tại cơ quan không.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện GCT trình bày:

Cụ Đặng Văn B, sinh N 1935, ngụ ấp Thạnh Yên, xã Thạnh Trị, huyện GCT, tỉnh TG có quản lý tổng diện tích 9.828m^2 với 4 thửa đất tọa lạc cùng ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr; cụ thể như sau:

Thửa đất số 2125, diện tích 3.130m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 1.

Thửa đất số 260, diện tích 1.629m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 2.

Thửa đất 261, diện tích 3.604m^2 đất thổ quả, tờ bản đồ số 2.

Thửa đất số 2742, diện tích 1.465m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 2.

Các thửa đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 00017.QSDĐ ngày 11/8/2003.

N 2005 cụ Đặng Văn B có lập hồ sơ chuyển quyền sử dụng trọng 03 thửa đất số 2125, 260, 261 cho con là ông Đặng Văn M, hợp đồng do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tr ký chứng thực ngày 04/4/2005, Phòng Nông nghiệp Tài nguyên và Môi trường ký ngày 18/4/2005 và thông qua Ủy ban nhân dân huyện ngày 26/4/2005. Sau khi chuyển hồ sơ qua Chi cục thuế GCT lập hồ sơ miễn thuế do chuyển cho con; ông Đặng Văn M đã đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có đăng ký bổ sung tên người vợ và Võ Thị Út D vào đồng sử dụng) vào ngày 29/4/2005 và thông qua Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tr ngày 01/6/2005.

Ông Đặng Văn M và vợ là Võ Thị Út D đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Thửa đất số 2125, diện tích 3.130m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00492 ngày 08/6/2005.

Thửa đất số 260, diện tích 1.629m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00493 ngày 08/6/2005.

Thửa đất 261, diện tích 3.604m^2 đất thổ quả, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00491 ngày 08/6/2005.

Thửa đất số 2742, diện tích 1.465m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 2.

Cụ Đặng Văn B được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00015 ngày 08/6/2005; thửa đất số 2742, diện tích 1.465m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 2 (trong đó có đăng ký bổ sung tên người vợ là Nguyễn Thị T vào đồng sử dụng). N 2007 cụ Đặng Văn B và vợ là Nguyễn Thị T lập hồ sơ chuyển quyền sử dụng trọn thửa đất số 2742 cho con là ông Đặng Văn MH và con dâu là Huỳnh Thị Gái.

Thủ tục chuyển quyền xong ông Đặng Văn MH và con dâu là Huỳnh Thị Gái đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00617 ngày 05/3/2007, diện tích 1.465m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 2.

Đối với trường hợp ông Đặng Văn M và Võ Thị Út D đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, thực hiện đúng quy trình, thủ tục.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2023/DS-ST ngày 24/3/2023 của Toà án nhân dân GCT, tỉnh TG, đã áp dụng khoản 3 và khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 229, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 127 Luật đất đai N 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Điều 707 Bộ luật dân sự N 1995; Điều 500, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự N 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với ½ diện tích đất còn lại của thửa 2125, 260, 261 sau khi trừ ra diện tích 216,3m^2 công nhận theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn N.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

- Về việc tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 giữa ông Đặng Văn B, bà Nguyễn Thị T với ông Đặng Văn M đối với các thửa đất 2125 diện tích 3.130m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 1; thửa đất 260 diện tích 1.629m^2 đất lúa; thửa đất 261 diện tích 3.604m^2 đất thổ quả, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00017 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 11/8/2003 cho Đặng Văn B.

- Yêu cầu ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D giao lại thửa đất 164, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.269,6m^2 (đo đạc thực tế là 2.269,5m^2), địa chỉ ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02939 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 20/7/2009 cho Đặng Văn M và Võ Thị Út D.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D giao trả lại cho cụ Nguyễn Thị T:

Diện tích 1.134,5m^2 gồm 150m^2 đất thổ cư + 984,5m^2 đất cây lâu N cùng ngôi nhà và cây trồng tại thửa 164, tờ bản đồ số 12, địa chỉ ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02939 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 20/7/2009 cho Đặng Văn M và Võ Thị Út D theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 24/3/2023.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Diện tích 630,7m^2 đất trồng cây lâu N tại vị trí có mộ của cụ B, kim tỉnh cụ T tại thửa đất 163, tờ bản đồ số 12, địa chỉ ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02938 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 20/7/2009 cho Đặng Văn M và Võ Thị Út D theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 24/3/2023.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa cụ Nguyễn Thị T, ông Đặng Văn N và ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D.

Ông Đặng Văn M và bà Võ Thị Út D đồng ý thực hiện thủ tục chuyển quyền cho ông Đặng Văn N đối với thửa 40, diện tích 216,3m^2 đất trồng cây lâu N thuộc một phần thửa 9, tờ bản đồ số 12, địa chỉ ấp Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02934 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 20/7/2009 cho Đặng Văn M và Võ Thị Út D theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 30/7/2020.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Cụ Nguyễn Thị T, ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D, ông Đặng Văn N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 29/3/2023, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu: Chấp nhận cho bà được nhận toàn bộ diện tích thửa 163, 164 và đồng ý trả lại giá trị chênh lệch cho ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Bị đơn ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D: Không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T3, bà Đặng Thị Chín: đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn S, bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị Tám, ông Đặng Văn MH: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn N, bà Đặng Thị **M**, bà Nguyễn Thị Thu **C**, ông Nguyễn Lâm Bưu và ông Huỳnh Thanh Bình vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Án sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D giao trả lại cho cụ Nguyễn Thị T ½ thửa đất số 164, diện tích 2.269,6m^2 (đo đạc thực tế là 2.269,5m^2), tại vị trí có căn nhà trên đất và ½ thửa đất số 163, diện tích 1.261,5 m^2, tại vị trí có mộ của cụ B và kim tỉnh của cụ T. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa cụ Nguyễn Thị T, ông Đặng Văn N và ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D về việc ông Đặng Văn M và bà Võ Thị Út D đồng ý làm thủ tục chuyển quyền cho ông Đặng Văn N thửa 40, diện tích 216,3m^2 đất trồng cây lâu N theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Đặng Văn B, cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn N. Cụ Nguyễn Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử: Không

chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 24/3/2023 của Toà án nhân dân GCT, tỉnh TG

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất và biến động:

Thửa đất 2125 diện tích 3.130m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 1; thửa đất 260 diện tích 1.629m^2 đất lúa, thửa đất 261 diện tích 3.604m^2 đất thổ quả, tờ bản đồ số 2, địa chỉ Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00017 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 11/8/2003 cho Đặng Văn B. Sau khi cụ B, cụ T thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M ngày 28/3/2005, ông M, bà D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất gồm: Thửa đất số 2125, diện tích 3.130,0m^2, đất trồng lúa; Thửa đất số 260, diện tích 1.629,0m^2, đất trồng lúa; Thửa đất số 261, diện tích 3.604,0m^2, đất trồng cây lâu N + đất ở theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00492, H00493, H00491 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 08/6/2005 cho ông Đặng Văn M và bà Võ Thị Út Dứt. N 2009 ông M, bà D đã đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất như sau: Thửa đất số 164, diện tích 2.269,6m^2, đất trồng cây lâu N + đất ở tại nông thôn; Thửa đất số 41, diện tích 120,4m^2, đất trồng cây hàng N khác; Thửa đất số 163, diện tích 1.261,5m^2, đất trồng cây lâu N; Thửa đất số 9, diện tích 2.720,5m^2, đất trồng lúa; Thửa đất số 138, diện tích 2.003,1m^2, đất trồng lúa theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02939, H02936, H02938, H02935, H02934 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 20/7/2009 cho ông Đặng Văn M và bà Võ Thị Út D.

[2.2] Về hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 giữa cụ Đặng Văn B, cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn M đối với các thửa đất 2125, thửa đất 260, thửa đất 261 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00017 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 11/8/2003 cho Đặng Văn B đã được lập thành văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị đã tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 707 của Bộ luật dân sự N 1995 *"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phải được làm thủ tục và đăng ký tại Uỷ ban nhân dân cấp*

có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai". Về biểu mẫu của hợp đồng tuy thực hiện theo mẫu cũ hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nhưng phù hợp với quy định tại Điều 127 Luật đất đai N 2003 và Điều 119 Nghị quyết 181/2004/NQ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai N 2003 vì thời điểm N 2005 Thông T3 số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 về hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản của người thực hiện quyền sử dụng đất chưa có hiệu lực. Song song với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M thì cụ B và cụ T còn thực hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn T3, bà Đặng Thị Tám, bà Đặng Thị Chín bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đồng thời, quy định tại Điều 184 của Nghị định 181/2004 NQ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai N 2003 quy định thời hạn thống nhất thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 01/01/2007. Cụ Đặng Văn B đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00017 từ ngày 11/8/2003 nên cụ B được thực hiện quyền về chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất cho ông M. Do đó, hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ cụ Đặng Văn B, cụ Nguyễn Thị T cho ông Đặng Văn M là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Về nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

[2.3.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của cụ T cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 là vô hiệu do nội dung hợp đồng không thể hiện giá chuyển nhượng, ông M không thực hiện nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng và chữ ký tên T của cụ T là không phải do cụ T ký vì cụ T không biết chữ. Việc cụ T ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là không hợp lệ nên yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vô hiệu. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông M trình bày việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 là tặng cho đất từ cha mẹ cho con và theo xác nhận của cán bộ địa chính xã Thạnh Trị, cán bộ phụ trách thuế tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 đều xác nhận là cụ B tặng cho con nên không phát sinh nghĩa vụ trong hợp đồng. Do đó, việc ông M không thực hiện nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng là phù hợp với thực tế.

[2.23.2].Theo Văn bản số 66/UBND-TPHT ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tr cung cấp thông tin *"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ B, cụ T và ông M ngày 28/3/2005 được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị chứng thực ngày 04/4/2005 nhưng do hồ sơ lưu trữ đang trong quá trình chuyển về tỉnh chỉnh lý nên không kiểm tra hồ sơ được và việc cụ B, cụ T có ký tên vào mục đại diện bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tr không thì không xác minh được do công chức địa chính giải quyết hồ sơ này đã chết"*. Theo Văn bản số 1564/UBND-TNMT ngày

28/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện GCT mà Tòa án thu thập được thể hiện *"Việc lập hồ sơ chuyển quyền 03 thửa đất số 2125, 260, 261 từ cụ Đặng Văn B cho con là Đặng Văn M, hợp đồng do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị ký chứng thực ngày 04/4/2005, phòng Nông nghiệp Tài nguyên và Môi trường ký ngày 18/4/2005 và thông qua Ủy ban nhân huyện ngày 26/4/2005. Sau khi chuyển hồ sơ qua Chi cục thuế Gò Công Tây lập hồ sơ miễn thuế do chuyển cho con; ông Đặng Văn M đã đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có đăng ký bổ sung tên người vợ và Võ Thị Út D vào đồng sử dụng) vào ngày 29/4/2005 và thông qua Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị ngày 01/6/2005. Ông M, bà D đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên thực hiện đúng quy trình, thủ tục*". Do đó, thủ tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 đã tuân thủ đúng quy trình, thủ tục của Luật đất đai N 2003.

[2.3.3] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các con cụ T gồm ông Đặng Văn S, bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị Tám, ông Đặng Văn N, ông Đặng Văn MH, bà Đặng Thị M cho rằng cụ T không biết chữ, việc cụ T ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 không phải do cụ T ký tên nhưng không có chứng cứ chứng minh. Phía ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D, ông Đặng Văn T3, bà Đặng Thị Chín cho rằng cụ T biết chữ và cung cấp các xác nhận của người làm chứng và yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng tại phiên tòa ngày 13/4/2022 để chứng minh cho việc cụ T biết chữ. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của người làm chứng, các xác nhận ông M cung cấp cho Tòa án để chứng minh rằng bà T biết chữ chỉ mang tính chất tham khảo không xem là chứng cứ để giải quyết vụ kiện. Tuy nhiên, ngoài việc cụ T ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn M ngày 28/3/2005 thì cụ T còn ký tên vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/2005 và ký tên vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn MH, bà Huỳnh Thị Gái ngày 09/01/2007; tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của cụ T thừa nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông MH, bà Gái là hợp pháp, đồng thời các đương sự thừa nhận cụ T minh mẫn từ N 2005 đến nay N 2023. Hội đồng xét xử xét thấy đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên có đủ cơ sở xác định cụ T đã ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005.

[2.3.4] Ngoài ra, tại kết luận giám định số: 5238/KL-KTHS ngày 28/10/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký Đặng Văn B tại "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 28/3/2005 (ký hiệu A1) và "Biên bản về việc thẩm tra, đo đạc diện tích đất" ngày 08/4/2005 (ký hiện A2) với các mẫu so sánh "Bản di chúc" ngày 08/4/2004 (ký hiệu M1); "Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

ngày 29/4/2005 (ký hiệu M2); "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" ngày 09/01/2007 (ký hiệu M3); 04 "Biên bản về việc thẩm tra, đo đạc diện tích đất" ngày 16/01/2007 (ký hiệu M4), ngày 08/5/2003 (ký hiệu M5), cùng ngày 09/5/2003 (ký hiệu M6, M7); 03 "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"cùng ngày 29/4/2003 (ký hiệu M8, M9), ngày 28/3/2003 (ký hiệu M10); " Biên nhận" ngày 29/3/2003 (ký hiệu M11) là do cụ Đặng Văn B ký. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với Kết luận giám định số 5238/KL-KTHS ngày 28/10/2022, do đó Hội đồng xét xử xác định cụ Đặng Văn B đã ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005.

[2.3.5] Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 giữa cụ Đặng Văn B, cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn M là hợp pháp. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 giữa cụ Đặng Văn Văn B, cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn M vô hiệu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ Nguyễn Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận

[2.3.6] Tại phiên tòa sơ thẩm và Phúc thẩm:

- Ông Đặng Văn M và bà Võ Thị Út D tự nguyện giao trả lại cho cụ T ½ thửa đất 164 tại vị trí có căn nhà của cụ B, cụ T cụ thể là 150m^2 đất thổ cư và 984,7m^2 đất trồng cây lâu N cùng căn nhà trên đất; ½ thửa đất 163 tại vị trí có mộ của cụ B, kim tỉnh cụ T có diện tích 630,7m^2 đất cây lâu N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông M, bà D.

- Cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn N yêu cầu ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông N đối với phần đất thửa 40, diện tích 216,3m^2 đất trồng cây lâu N thuộc một phần thửa 9, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02934 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 20/7/2009 cho Đặng Văn M và Võ Thị Út D theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Đặng Văn B, cụ Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn N. Tại phiên tòa, ông M, bà D đồng ý thực hiện việc chuyển quyền cho ông Đặng Văn N đối với phần đất thửa 40, diện tích 216,3m^2 đất trồng cây lâu N thuộc một phần thửa 9, tờ bản đồ số 12. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của cụ Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 24/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 và khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 229, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 127 Luật đất đai N 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Điều 707 Bộ luật dân sự N 1995; Điều 500, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự N 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với ½ diện tích đất còn lại của thửa 2125, 260, 261 sau khi trừ ra diện tích 216,3m^2 công nhận theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn N.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T:

Về việc tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/3/2005 giữa Đặng Văn B, Nguyễn Thị T với Đặng Văn M đối với các thửa đất 2125 diện tích 3.130m^2 đất lúa, tờ bản đồ số 1; thửa đất 260 diện tích 1.629m^2 đất lúa; thửa đất 261 diện tích 3.604m^2 đất thổ quả, tờ bản đồ số 2, địa chỉ Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00017 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 11/8/2003 cho Đặng Văn B.

Yêu cầu ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D giao lại thửa đất 164, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.269,6m^2 (đo đạc thực tế là 2.269,5m^2), địa chỉ Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02939 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 20/7/2009 cho Đặng Văn M và Võ Thị Út D.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D giao trả lại cho cụ Nguyễn Thị T:

Diện tích 1.134,5m^2 gồm 150m^2 đất thổ cư + 984,5m^2 đất cây lâu N cùng ngôi nhà và cây trồng tại thửa 164, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02939 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 20/7/2009 cho Đặng Văn M và Võ Thị Út D theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 24/3/2023.Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Diện tích 630,7m^2 đất trồng cây lâu N tại vị trí có mộ của cụ B, kim tỉnh cụ T tại thửa đất 163, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02938 do Ủy ban nhân

dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 20/7/2009 cho Đặng Văn M và Võ Thị Út D theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 24/3/2023. Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa cụ Nguyễn Thị T, ông Đặng Văn N và ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D.

Ông Đặng Văn M và bà Võ Thị Út D đồng ý thực hiện thủ tục chuyển quyền cho ông Đặng Văn N đối với thửa 40, diện tích 216,3m^2 đất trồng cây lâu N thuộc một phần thửa 9, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Thạnh Y, xã Thạnh Tr, huyện GCT, tỉnh TG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02934 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 20/7/2009 cho Đặng Văn M và Võ Thị Út D theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 30/7/2020.Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Cụ Nguyễn Thị T, ông Đặng Văn M, bà Võ Thị Út D, ông Đặng Văn N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Cụ Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016.

Ông Đặng Văn M và bà Võ Thị Út D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Đặng Văn N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026649 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho cụ Nguyễn Thị T.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
DSPT-2023-H

Võ Thanh Bình